

A. LISTENING

1. Listen to the recording and mark the letter A, B, C, or D on your answer sheet to indicate the correct answer to each of the following questions. (You will hear the recording TWICE.) (1.0 point)

Question 1. Tony and Lucy are _____ in the playground.

A. cooking B. dancing C. playing

Question 2. Nick is drawing _____.

A. a monkey B. a tiger C. a hippo

Question 3. Anna lives in a _____.

A. flat B. house C. villa.

Question 4. Alex goes to school by _____.

A. Car B. train C. bus

2. Listen to the recording and state whether the statements below are true (T) or false (F). (You will hear the recording TWICE.) (1.0 point)

STATEMENTS	T	F
Question 5. Her sister's name is Sue.		
Question 6. There are 5 people in Mary's family.		
Question 7. There are 4 rooms in Mary's family.		
Question 8. There are 9 pictures in Mary's room.		

B. LEXICO - GRAMMAR

1. Mark the letter A, B, C, or D on your answer sheet to indicate the word whose underlined part is pronounced differently from that of the others in each group. (0.5 point)

Question 9. A. smart B. dollar C. start D. car
Question 10. A. parents B. sisters C. rooms D. cousins

2. Mark the letter A, B, C, or D on your answer sheet to indicate the correct answer to each of the following questions. (1.75 points)

Question 11. A. living room B. kitchen C. bedroom D. garden
Question 12. A. act B. activities C. active D. actively
Question 13. A. little B. many C. any D. much
Question 14. A. don't goes B. doesn't goes C. doesn't go D. don't go
Question 15. A. behind B. next to C. under D. in front of
Question 16. A. small B. noisy C. tall D. big
Question 17. A. comes B. coming C. is coming D. to come

3. Read the following announcement and mark the letter A, B, C, or D on your answer sheet to indicate the correct option that best fits each of the numbered blanks. (0.75 point)

Announcement for Children and Their Parents

Welcome to a new school year! We are very happy to have you at Sunshine Secondary School. This is a (18) _____ for students to learn, make friends, and join many interesting clubs. Our teachers (19) _____ always ready to help and support your children. We believe that every student can (20) _____ their best if they study hard and take part in school activities..

Question 18. A. shop B. place C. park D. cinema
Question 19. A. is B. am C. are D. be
Question 20. A. have B. make C. play D. do

C. READING

1. Read the following passage and mark the letter A, B, C, or D on your answer sheet to indicate the correct option that best fits each of the numbered blanks. (1.25 points)

What do you do if you want to find a book in the (21) _____? If you know the author's (22) _____, go to the list of authors. Find the title of the book (23) _____ write down the number. Then go to the right shelf. If you (24) _____ know the author's name, go to the list of titles. If there is no list of titles, look at the list of subjects. After that, look for the book (25) _____ the shelf. If you want to take the book home, let the librarian stamp it. If the book is not there, ask the librarian for help.

- Question 21.** A. library B. park C. toy shop D. market
Question 22. A. hobby B. house C. name D. writer
Question 23. A. and B. or C. but D. so
Question 24. A. aren't B. isn't C. doesn't D. don't
Question 25. A. into B. inside C. on D. in

2. Read the following passage and mark the letter A, B, C, or D on your answer sheet to indicate the correct answer to each of the questions. (1.25 points)

My dream house is small but very nice. It is not far from the sea, so I can see the blue water every day. The house has two floors. On the ground floor, there are four rooms. The first room is my living room. In it, there is a white sofa, a black armchair, and a small coffee table. On the wall, there is a lamp and a television set. There is also a French window, so I can look at the green garden. Near the living room, there is a modern kitchen. In the kitchen, there is a fridge, a cooker, and a big sink. There is also a door that goes to the garden. Next to it, there is a bathroom with a shower and a toilet. I also have a study room with a desk, a chair, and my computer. On the first floor, there is only one room. It is my bedroom. In the bedroom, there is a bed, a wardrobe, and another television. I like the balcony because it has a beautiful view of the sea. The walls are white, so my house looks pure and bright. My dream house is really lovely.

Question 26. What is the passage mainly about?

- A. The writer's dream house B. The writer's family
 C. The writer's hobby D. The writer's school

Question 27. A. unclean B. messy C. clean D. dirty

Question 28. Which of the following is TRUE, according to the passage?

- A. The study room is on the first floor.
 B. The kitchen has no fridge.
 C. The living room has a sofa, an armchair and a coffee table.
 D. The house has three floors.

Question 29. According to the passage, what is on the first floor?

- A. Only a bedroom with a balcony B. A kitchen and a bathroom
 C. A study room with a computer D. A living room and a garden

Question 30. A. pretty B. lovely C. ugly D. nice

D. WRITING

1. Mark the letter A, B, C, or D on your answer sheet to indicate the best arrangement of utterances or sentences to make a meaningful exchange or text in each of the following questions. (0.5 point)

Question 31.

- a. Nam: My house is in a quiet street with a big garden.
 b. Lan: That sounds lovely! Does it have a backyard?
 c. Nam: Yes, it does. There are many flowers and trees in the backyard.

- A. a - b - c B. b - a - c C. a - c - b D. c - a - b

Question 32.

- a. Mai: What do you like best about our new school?
 b. Mai: Yes, it is. The classrooms are clean and bright.
 c. Nam: I like the library. There are many interesting books.
 d. Nam: This is our new school. It looks very big.

- A. d - b - c - a B. b - a - d - c C. d - a - c - b D. a - c - b - d

2. Rewrite the second sentence so that it has a similar meaning to the original one, beginning with the given word(s) (1.0 point)

Question 33. There are 25 classes in my school.

→ My school _____.

Question 34. The stadium is behind the bakery.

→ The bakery _____.

Question 35. My father goes to work by motorbike every day.

→ My father rides _____.

Question 36. We walk to the supermarket.

→ We go _____.

3. Combine two sentences into one sentence, beginning with the given word(s) (1.0 point)

Question 37. This is a car. It belongs to my father.

→ This is _____.

Question 38. That is a teacher. She teaches English.

→ That is _____.

Question 39. This is a driver. He is careful.

→ He is _____.

Question 40. This is my brother. He is a good English speaker.

→ My brother speaks _____.

The end

ĐÁP ÁN

Câu	ĐA	Câu	ĐA	Câu	ĐA	Câu	ĐA
9	B	10	A	11	B	12	B
13	B	14	C	15	D	16	D
17	C	18	B	19	C	20	D
21	A	22	C	23	A	24	D
25	C	26	A	27	C	28	C
29	A	30	C	31	A	32	C
Câu				Đáp án			
33				My school has 25 classes.			
34				The bakery is in front of the stadium.			
35				My father rides his motorbike to work every day.			
36				We go to the supermarket on foot.			
37				This is my father's car.			
38				That is an English teacher.			
39				He is a careful driver.			
40				My brother speaks English well.			

A. LISTENING – CÂU 1–8

B. LEXICO – GRAMMAR

1. Pronunciation – Câu 9–10

Câu 9. Đáp án: B. dollar

Giải thích: Ba từ smart, start và car có âm “a” được phát âm /ɑ:/ trong cách đọc Anh–Anh, còn dollar có âm khác. Vì vậy dollar là từ có phần gạch chân phát âm khác.

Câu 10. Đáp án: A. parents

Giải thích: Âm cuối -s trong parents được phát âm /s/, còn sisters, rooms và cousins có âm cuối -s được phát âm /z/. Vì vậy parents khác ba từ còn lại.

2. Vocabulary and Grammar – Câu 11–17**Câu 11. Đáp án: B. kitchen**

Giải thích: Câu có “She’s cooking dinner” (Mẹ đang nấu bữa tối), nên nơi phù hợp là kitchen = nhà bếp.

Câu 12. Đáp án: B. activities

Giải thích: Cụm đúng là leisure activities = các hoạt động giải trí. Sau “one of the most popular” cần một danh từ số nhiều, nên activities là đáp án đúng.

Câu 13. Đáp án: B. many

Giải thích: Books là danh từ đếm được số nhiều nên dùng many. Much dùng với danh từ không đếm được; little cũng dùng với danh từ không đếm được; any thường dùng trong câu hỏi hoặc câu phủ định.

Câu 14. Đáp án: C. doesn’t go

Giải thích: Chủ ngữ He là ngôi thứ ba số ít. Ở thì hiện tại đơn phủ định dùng “doesn’t + V nguyên mẫu”, nên phải là doesn’t go, không dùng doesn’t goes.

Câu 15. Đáp án: D. in front of

Giải thích: Người nói bảo “Don’t stand ... TV. I’m trying to watch...”, nghĩa là đừng đứng chắn phía trước TV. Vì vậy dùng in front of = ở phía trước.

Câu 16. Đáp án: D. big

Giải thích: Câu “My bedroom is big but it doesn’t have much furniture” nghĩa là phòng ngủ của tôi rộng nhưng không có nhiều đồ đạc. Từ but tạo sự tương phản hợp lý giữa “rộng” và “ít đồ”.

Câu 17. Đáp án: C. is coming

Giải thích: Từ Look! cho thấy hành động đang xảy ra ngay lúc nói, nên dùng hiện tại tiếp diễn: “The bus is coming.”

3. Announcement – Câu 18–20**Câu 18. Đáp án: B. place**

Giải thích: Câu “This is a place for students to learn...” cần danh từ chỉ địa điểm. place = nơi/chỗ là phù hợp nhất.

Câu 19. Đáp án: C. are

Giải thích: Chủ ngữ Our teachers là số nhiều nên dùng are: “Our teachers are always ready...”

Câu 20. Đáp án: D. do

Giải thích: Cụm cố định “do one’s best” = cố gắng hết sức. Vì vậy “every student can do their best” là đúng.

C. READING**1. Cloze passage – Câu 21–25****Câu 21. Đáp án: A. library**

Giải thích: Đoạn văn hướng dẫn cách tìm sách, có author, title, shelf và librarian. Vì vậy địa điểm phải là library = thư viện.

Câu 22. Đáp án: C. name

Giải thích: Cụm tự nhiên là “the author’s name” = tên của tác giả. Sau đó người đọc tìm tên tác giả trong danh sách authors.

Câu 23. Đáp án: A. and

Giải thích: Hai hành động nối tiếp nhau: “Find the title of the book and write down the number.” Vì vậy dùng and.

Câu 24. Đáp án: D. don’t

Giải thích: Chủ ngữ là you, động từ chính know ở hiện tại đơn. Phủ định với you dùng don’t: “If you don’t know the author’s name...”

Câu 25. Đáp án: C. on

Giải thích: Ta nói “on the shelf” = trên kệ. Vì vậy “look for the book on the shelf” là đúng.

2. Reading comprehension – Câu 26–30

Câu 26. Đáp án: A. The writer’s dream house

Giải thích: Toàn bộ đoạn văn mô tả vị trí, các tầng, các phòng và đồ đạc trong ngôi nhà mơ ước của người viết, nên ý chính là “The writer’s dream house”.

Câu 27. Đáp án: C. clean

Giải thích: Pure trong ngữ cảnh “The walls are white, so my house looks pure and bright” mang nghĩa sạch sẽ, tinh khiết. Từ gần nghĩa nhất là clean.

Câu 28. Đáp án: C. The living room has a sofa, an armchair and a coffee table.

Giải thích: Đoạn văn nói rõ trong phòng khách có “a white sofa, a black armchair, and a small coffee table”, nên C là thông tin đúng.

Câu 29. Đáp án: A. Only a bedroom with a balcony

Giải thích: Đoạn văn nêu “On the first floor, there is only one room. It is my bedroom.” Sau đó nói người viết thích balcony vì nhìn ra biển. Vì vậy A phù hợp nhất.

Câu 30. Đáp án: C. ugly

Giải thích: Beautiful = đẹp; từ trái nghĩa là ugly = xấu. Các từ pretty, lovely và nice đều mang nghĩa tích cực, gần với beautiful.

D. WRITING

1. Arrange the sentences – Câu 31–32

Câu 31. Đáp án: A. a – b – c

Giải thích: Nam giới thiệu ngôi nhà trước (a). Lan phản hồi và hỏi về backyard (b). Nam trả lời “Yes, it does...” rồi mô tả backyard (c). Vì vậy thứ tự hợp lý là a – b – c.

Câu 32. Đáp án: C. d – a – c – b

Giải thích: Theo đáp án chính thức của đề: Nam giới thiệu ngôi trường mới (d), Mai hỏi điều Nam thích nhất (a), Nam trả lời là thư viện (c), rồi Mai tiếp tục nhận xét (b).

Lưu ý: Câu b “Yes, it is. The classrooms are clean and bright.” hơi chưa tự nhiên khi đặt sau câu c, nhưng đáp án/hướng dẫn chấm của đề xác định C.

2. Rewrite the sentences – Câu 33–36

Câu 33. Đáp án: My school has 25 classes.

Giải thích: Đổi cấu trúc “There are + danh từ + in + nơi chốn” sang “Nơi chốn + has/have + danh từ”. My school là số ít nên dùng has.

Câu 34. Đáp án: The bakery is in front of the stadium.

Giải thích: Nếu stadium ở behind the bakery thì bakery ở in front of the stadium. Đây là cặp giới từ vị trí đối nghĩa: behind ↔ in front of.

Câu 35. Đáp án: My father rides his motorbike to work every day.

Giải thích: “go to work by motorbike” có thể viết lại bằng “ride one’s motorbike to work”. Chủ ngữ My father nên dùng rides.

Câu 36. Đáp án: We go to the supermarket on foot.

Giải thích: Walk to + place có thể diễn đạt bằng “go to + place + on foot”. Vì vậy câu tương đương là “We go to the supermarket on foot.”

3. Combine the sentences – Câu 37–40

Câu 37. Đáp án: This is my father’s car.

Giải thích: Hai câu “This is a car. It belongs to my father.” được gộp bằng sở hữu cách: my father’s car = xe của bố tôi.

Câu 38. Đáp án: That is an English teacher.

Giải thích: Một người “teaches English” là English teacher. English đứng trước teacher để bỏ nghĩa cho danh từ teacher.

Câu 39. Đáp án: He is a careful driver.

Giải thích: Từ careful là tính từ, đặt trước danh từ driver để mô tả người lái xe: a careful driver = một tài xế cẩn thận.

Câu 40. Đáp án: My brother speaks English well.

Giải thích: Câu gốc dùng tính từ “a good English speaker”. Khi chuyển sang động từ speak, cần dùng trạng từ well để bỏ nghĩa cho speaks: speaks English well.

GHÌ NHỚ NHANH

- Hiện tại đơn phủ định: He/She/It + does not (doesn’t) + V nguyên mẫu.
- Hiện tại tiếp diễn: S + am/is/are + V-ing; thường đi với Look!, Listen!, now, at the moment.
- There is/are ↔ S + has/have.
- behind ↔ in front of.
- go by motorbike ↔ ride a motorbike; walk ↔ go on foot.
- Sở hữu cách: danh từ chỉ người + ’s + danh từ, ví dụ my father’s car.

- Tính từ bổ nghĩa cho danh từ; trạng từ bổ nghĩa cho động từ: careful driver, speaks well.